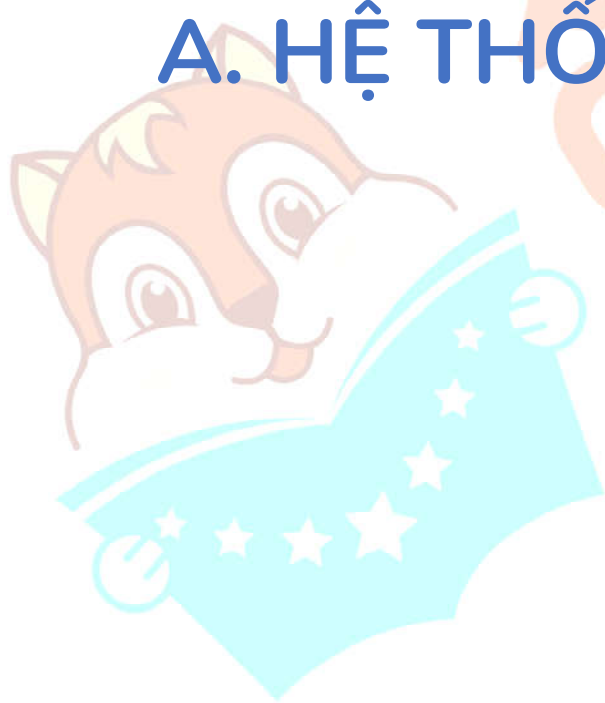


MỤC LỤC

HỆ THỐNG ĐỀ THI CUỐI HỌC KÌ I LỚP 4	TRANG	
	Đề	Đáp án
ĐỀ SỐ 1 (SGK CÁNH DIỀU)	3	22
ĐỀ SỐ 2 (SGK CÁNH DIỀU)	5	24
ĐỀ SỐ 3 (SGK CÁNH DIỀU)	7	25
ĐỀ SỐ 4 (SGK KẾT NỐI TRI THỨC)	9	27
ĐỀ SỐ 5 (SGK KẾT NỐI TRI THỨC)	11	29
ĐỀ SỐ 6 (SGK KẾT NỐI TRI THỨC)	13	31
ĐỀ SỐ 7 (SGK CHÂN TRỜI SÁNG TẠO)	15	33
ĐỀ SỐ 8 (SGK CHÂN TRỜI SÁNG TẠO)	17	35
ĐỀ SỐ 9 (SGK CHÂN TRỜI SÁNG TẠO)	19	37



A. HỆ THỐNG ĐỀ THI



ĐỀ SỐ 1

SÁCH CÁNH DIỀU

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Năm học: 2024 – 2025

Môn: Toán lớp 4

Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng hoặc thực hiện theo yêu cầu

Câu 1. Trong số 954 384 671, giá trị của chữ số 8 gấp bao nhiêu lần giá trị của chữ số 1?

- A. 8. B. 800. C. 8000. D. 80 000.

Câu 2. Hiện nay để giúp giải quyết bài toán ô nhiễm đô thị, ô tô điện đang trở nên phổ biến hơn bao giờ hết. Nhiều quốc gia đang tiến tới việc cấm ô tô sử dụng xăng, dầu. Tính trên toàn thế giới, tổng sản lượng xe ô tô trong các năm 2016, 2017, 2018, 2019 lần lượt là:
72 105 435 ; 73 456 531 ; 70 498 388 ; 67 149 196.



Hỏi trong các năm trên, thế giới sản xuất được nhiều ô tô nhất vào năm nào?

- A. Năm 2016. B. Năm 2017. C. Năm 2018. D. Năm 2019.

Câu 3. Giá trị của biểu thức $8016 : p \times 2 + q$ với $p = 3, q = 656$.

- A. 6000. B. 1992. C. 5344. D. 5000.

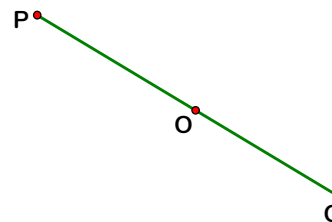
Câu 4. Khối lớp 4 của một trường tiểu học được nhà trường tổ chức cho đi tham quan ở một công viên. Vừa đến cổng, hướng dẫn viên cho biết trong ngày hôm qua, buổi sáng và buổi chiều lần lượt có 6980 lượt và 3852 lượt khách tham quan. Em hãy ước lượng xem ngày hôm đó có bao nhiêu nghìn lượt khách tham quan.

- A. 9000 lượt. B. 10 000 lượt. C. 11 000 lượt. D. 12 000 lượt.

Câu 5. Viết số thích hợp vào chỗ chấm: 50 tấn 8 yến = yến.

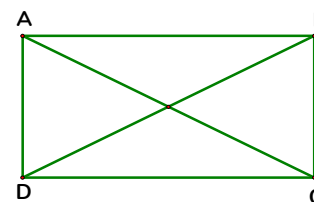
Câu 6. Quan sát hình bên và cho biết số đo của góc đỉnh O; cạnh OP, OQ là bao nhiêu độ?

- A. 60° . B. 90° .
C. 120° . D. 180° .



Câu 7. Trong hình bên có tất cả bao nhiêu cặp cạnh vuông góc với nhau?

- A. 2 cặp. B. 3 cặp.
C. 1 cặp. D. 4 cặp.



Câu 8. Người ta đóng gói 3500 bút chì theo từng tá (mỗi tá gồm 12 cái). Hỏi đóng gói được nhiều nhất bao nhiêu tá bút chì và còn thừa mấy bút chì?

- A. 290 tá; thừa 7 bút chì. B. 291 tá; thừa 8 bút chì.
C. 292 tá; thừa 7 bút chì. D. 290 tá; thừa 8 bút chì.

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)**Bài 1.** Đặt tính rồi tính:

a) $321\ 456 + 554\ 639$;

b) $864\ 370 - 98\ 469$.

c) 350×15 ;

d) $1260 : 12$.

Bài 2. Tính bằng cách thuận tiện:

a) $129 \times 505 + 129 \times 500 - 129 \times 5$;

b) $35800 : 100 + 358 \times 999$.

Bài 3. Một thửa ruộng hình chữ nhật có chu vi là 108m. Biết chiều dài hơn chiều rộng là 6m. Tính diện tích thửa ruộng đó.**Bài 4.** Sau 3 bài kiểm tra toán đầu tiên, Bình tính điểm trung bình thì được 6 điểm. Hỏi đến bài kiểm tra tiếp theo, Bình phải đạt được điểm mấy để điểm trung bình sau 4 bài kiểm tra là 7 điểm?**Trả lời:**

ĐỀ SỐ 2

SÁCH CÁNH DIỀU

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Năm học: 2024 – 2025

Môn: Toán lớp 4

Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng hoặc thực hiện theo yêu cầu

Câu 1. Số gồm: 15 triệu, 8 nghìn, 5 trăm và 6 chục được viết là:

- A. 15 008 506. B. 15 008 560. C. 15 800 560 D. 15 800 506.

Câu 2. Cho vận động viên A chạy 100m trong $\frac{1}{5}$ phút, vận động viên B chạy 100m trong $\frac{1}{4}$ phút. Khẳng định nào dưới đây là đúng?

- A. Vận động viên A chạy nhanh hơn vận động viên B 3 giây.
 B. Vận động viên A chạy chậm hơn vận động viên B 3 giây.
 C. Vận động viên A chạy nhanh hơn vận động viên B 1 giây.
 D. Vận động viên A chạy chậm hơn vận động viên B 1 giây.

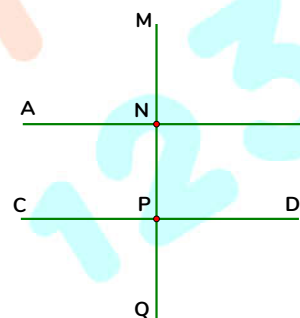
Câu 3. Giá trị của biểu thức $9600 : m + n$ với $m = 5, n = 3$.

- A. 1200. B. 1932.
 C. 1917. D. 1923.

Câu 4. Quan sát hình vẽ bên:

Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp:

Đường thẳng AB song song với đường thẳng:

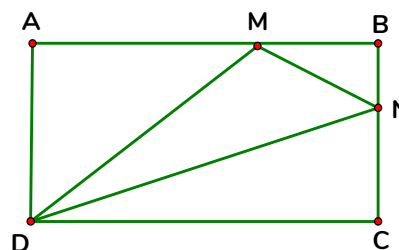


Câu 5. Một cửa hàng lương thực ngày đầu bán được 232kg gạo, ngày thứ hai bán được 250kg gạo. Hỏi trung bình mỗi ngày cửa hàng bán được bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

- A. 241kg. B. 242kg. C. 243kg. D. 244kg.

Câu 6. Có tất cả bao nhiêu góc tù trong hình bên?

- A. 1 góc. B. 3 góc.
 C. 4 góc. D. 5 góc.



Câu 7. Đúng điền Đ, sai điền S vào ô trống:

- a) $29 \times 90 = 2700$
 b) $8175 + 5059 > 13\ 000$
 c) $5600 : 69 = 80$
 d) $15000 - 4965 > 10\ 000$

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)**Bài 1.** Đặt tính rồi tính:

a) $386\ 153 + 260\ 765$;

b) $726\ 485 - 52\ 936$.

c) 308×56 ;

d) $5145 : 35$.

Bài 2. Tính bằng cách thuận tiện:

a) $25 \times 1895 \times 4$;

b) $(2024 \times 99 + 2024) - (2023 \times 101 - 2023)$.

Bài 3. Một trang trại chăn nuôi có 550 con cả gà trống và gà mái. Số gà mái nhiều hơn số gà trống là 250 con. Hỏi trại chăn nuôi đó có bao nhiêu con gà mỗi loại?**Bài 4.** Tìm số bị chia, số chia nhỏ nhất sao cho phép chia đó có thương là 5 và số dư là 31.**Trả lời:**ON THI
123

ĐỀ SỐ 3

SÁCH CÁNH DIỀU

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Năm học: 2024 – 2025

Môn: Toán lớp 4

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng hoặc thực hiện theo yêu cầu

Câu 1. Chữ số 6 ở hàng nào trong số 66 666 666 có giá trị là 60 000 000?

- A. Hàng trăm nghìn. B. Hàng chục nghìn. C. Hàng chục triệu. D. Hàng triệu.

Câu 2. Số thích hợp điền vào chỗ chấm: $\frac{1}{5}$ thế kỉ = năm là:

- A. 25. B. 20. C. 10. D. 50.

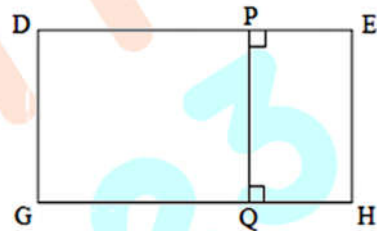
Câu 3. Các số 3284 ; 4635 ; 2126 ; 3245 ; 6834 được sắp xếp theo thứ tự từ lớn đến bé là:

- A. 2126 ; 3245 ; 3284 ; 4635 ; 6834. B. 2126 ; 3284 ; 3245 ; 4635 ; 6834.
 C. 6834 ; 4635 ; 3284 ; 3245 ; 2126. D. 6834 ; 4635 ; 3245 ; 3284 ; 2126.

Câu 4. Quan sát hình vẽ bên:

Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp:

Các cạnh của hình chữ nhật DEHG mà vuông góc với cạnh PQ là:



Câu 5. Giá trị của biểu thức $a + b : c - 357$ với

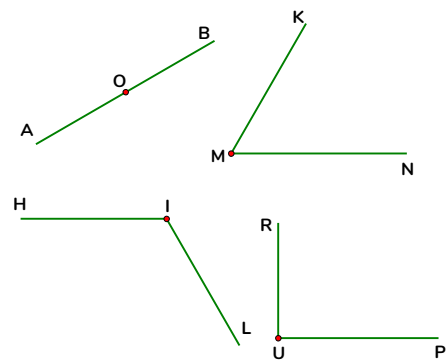
$a = 4529 ; b = 3073 ; c = 7$ là

- A. 4968. B. 729. C. 1086. D. 4611.

Câu 6. Quan sát các góc có trong hình bên và cho biết góc

nào có thể có số đo bằng 120° ?

- A. Góc đỉnh O; cạnh OA, OB.
 B. Góc đỉnh M; cạnh MK, MN.
 C. Góc đỉnh I; cạnh IH, IL.
 D. Góc đỉnh U; cạnh UR, UP.



Câu 7. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

Có hai sợi dây, sợi dây thứ nhất dài 2m 3dm, sợi dây thứ hai dài hơn sợi dây thứ nhất 8dm. Hãy làm tròn số đo độ dài 2 sợi dây đến hàng trăm (đơn vị đo: cm) và ước lượng tổng chiều dài của hai sợi dây.

Cả hai sợi dây dài khoảngcm.

Câu 8. Tìm trung bình cộng của các số trong dãy số chẵn: 2 ; 4 ; ; 400.

- A. 200. B. 201. C. 202. D. 203.

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)**Bài 1.** Đặt tính rồi tính:

a) $140\ 562 + 458\ 273$;

b) $693\ 450 - 168\ 137$.

c) 125×32 ;

d) $1988 : 14$.

Bài 2. Tính bằng cách thuận tiện:

a) $8 \times 2024 \times 125$;

b) $298 \times 99 - 298 \times 88 - 298$.

Bài 3. Một tổ sản xuất tháng thứ nhất làm được 954 sản phẩm, tháng thứ hai làm được ít hơn tháng thứ nhất 133 sản phẩm, tháng thứ ba làm được 1330 sản phẩm. Hỏi trung bình mỗi tháng tổ đó làm được bao nhiêu sản phẩm?

Bài 4. Tổng số tuổi của ba bố con bằng 55 tuổi, tuổi bố nhiều hơn tổng số tuổi của 2 anh em là 25 tuổi. Tính tuổi của em, biết anh hơn em 5 tuổi.

Trả lời:



ON THI
123

ĐỀ SỐ 4

SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Năm học: 2024 – 2025

Môn: Toán lớp 4

Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng hoặc thực hiện theo yêu cầu

Câu 1. Số thích hợp điền vào chỗ chấm để: $9\ 200\ 058 = 9\ 000\ 000 + \dots + 50 + 8$ là:

- A. 2. B. 200. C. 200 000. D. 200 058.

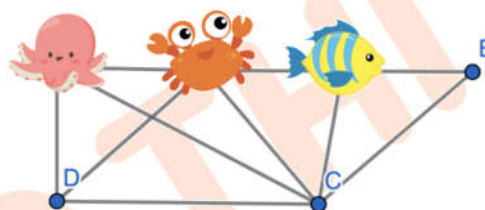
Câu 2. Trong các số **999 328 ; 1 002 235 ; 1 000 999 ; 999 999**, số bé nhất là:

- A. 999 328. B. 999 999. C. 1 002 235. D. 1 000 999.

Câu 3. Quan sát hình bên và viết tên con vật (con bạch tuộc, con cua, con cá) thích hợp vào chỗ chấm:

Con vật che mắt đỉnh A của hình bình hành ABCD là:

.....



Câu 4. Biểu thức $350 \times m + 650 \times m$ có giá trị bằng

3000 với m bằng số nào dưới đây?

- A. $m = 5$. B. $m = 3$. C. $m = 2$. D. $m = 4$.

Câu 5. Trong các giờ sau, hai kim đồng hồ sẽ tạo thành góc lớn nhất vào lúc mấy giờ?

- A. 3 giờ. B. 5 giờ.
C. 6 giờ. D. 9 giờ.

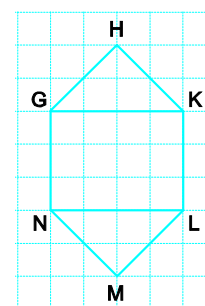


Câu 6. Năm ngoái một công ty lương thực xuất khẩu được 118 600 tấn gạo. Năm nay công ty xuất khẩu được ít hơn năm ngoái 55 000 tấn. Hỏi cả hai năm công ty lương thực đó xuất khẩu được bao nhiêu tấn gạo?

- A. 173 600 tấn. B. 182 000 tấn. C. 122 800 tấn. D. 182 200 tấn.

Câu 7. Trong hình vẽ bên có tất cả bao nhiêu cặp cạnh vuông góc với nhau?

- A. 4 cặp.
B. 5 cặp.
C. 6 cặp.
D. 7 cặp.



Câu 8. Cho dãy số: 7; 9; 11; 13; 15;... Trong các số 48; 101; 1000; 2023; 2024, có tất cả bao nhiêu số thuộc dãy số đã cho?

- A. 2 số. B. 3 số. C. 4 số. D. 5 số.

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)**Bài 1.** Đặt tính rồi tính:

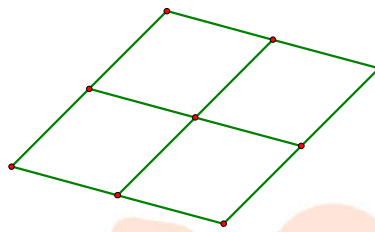
a) $89\ 819 + 921\ 655;$

b) $8\ 959\ 482 - 2\ 564\ 876.$

Bài 2. Tính bằng cách thuận tiện:

a) $30\ 400 + 29\ 495 + 505 + 69\ 600;$

b) $(243\ 453 - 32\ 120) + (132\ 120 - 43\ 453).$

Bài 3. Hai bạn Hằng và Hương hái cam trong vườn được tất cả 126 quả. Hương hái được ít hơn Hằng 18 quả. Hỏi mỗi bạn hái được bao nhiêu quả cam?**Bài 4.** Hình thoi sau được ghép bởi 4 hình thoi nhỏ. Tính chu vi của hình thoi đó, biết chu vi của mỗi hình thoi nhỏ là 72cm.

Trả lời:



ĐỀ SỐ 5

SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Năm học: 2024 – 2025
 Môn: Toán lớp 4
 Thời gian làm bài: 40 phút
 (Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

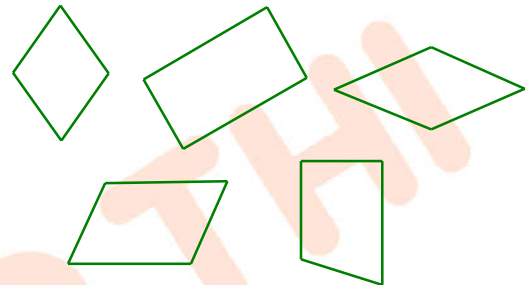
Hãy chọn phương án đúng hoặc thực hiện theo yêu cầu

Câu 1. Số gồm: “ba mươi tám triệu, bốn trăm nghìn, năm nghìn và sáu mươi hai đơn vị” viết là:

- A. 38 405 062. B. 38 450 062. C. 38 450 620. D. 38 405 620.

Câu 2. Trong hình bên có tất cả bao nhiêu hình thoi?

- A. 2 hình.
 B. 3 hình.
 C. 4 hình.
 D. 5 hình.



Câu 3. Ông của bạn Nam sinh năm 1960. Hỏi ông của bạn Nam sinh vào thế kỉ nào?

- A. XVI. B. XVIII. C. XIX. D. XX.

Câu 4. Năm 2021 sản lượng xuất khẩu gạo của Việt Nam là 5 023 500 tạ. Làm tròn sản lượng gạo đó đến hàng trăm nghìn ta được

- A. 5 100 000 tạ. B. 5 000 000 tạ. C. 5 020 000 tạ. D. 5 030 000 tạ.

Câu 5. Viết thêm vào chỗ chấm cho thích hợp:

Các đồ gia dụng trong siêu thị điện máy (ti vi, tủ lạnh, lò vi sóng, máy xay sinh tố, máy giặt) được ghi giá như hình bên. Em hãy sắp xếp tên các đồ gia dụng theo thứ tự từ giá rẻ nhất đến giá đắt nhất.

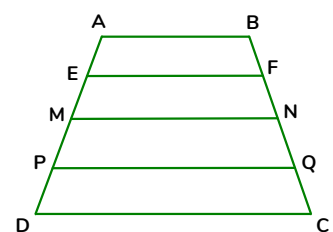


Tên các đồ gia dụng được viết theo thứ tự từ giá rẻ nhất đến giá đắt nhất là:

..... ; ; ;

Câu 6. Trong hình vẽ bên có tất cả bao nhiêu cặp cạnh song song với nhau?

- A. 7 cặp. B. 8 cặp.
 C. 9 cặp. D. 10 cặp.



Câu 7. Giá trị của biểu thức $(1085 - 35 \times n) : m + 4 \times h$ với $m = 8 ; n = 7 ; h = 50$ là:

A. 350.

B. 105.

C. 305.

D. 5450.

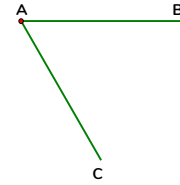
Câu 8. Quan sát hình bên và cho biết số đo của “góc đỉnh A; cạnh AB, AC”.

A. 90° .

B. 120° .

C. 60° .

D. 180° .



II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. Đặt tính rồi tính:

a) $3\ 132\ 456 + 584\ 639$;

b) $35\ 686\ 370 - 5\ 394\ 869$.

Bài 2. Tính bằng cách thuận tiện:

a) $450 + 88\ 888 + 550 - 8888$;

b) $989\ 652 + (100\ 000 - 89\ 652)$.

Bài 3. Nhân dịp Lễ Giáng sinh, MathExpress phát động phong trào làm thiệp handmade gửi lời yêu thương tới các em nhỏ ở Bệnh viện nhi Trung ương Hà Nội. Biết học sinh khối lớp Bốn và khối lớp Năm đã làm được 450 tấm thiệp, khối lớp Năm làm được nhiều hơn khối lớp Bốn 20 tấm thiệp. Tính số thiệp học sinh mỗi khối làm được.

Bài 4. Người ta viết các chữ thành dãy: DAYTOTHOCOT DAYTOTHOCOT... bằng 3 màu xanh, đỏ, tím, mỗi từ một màu (tức là DAY tô màu xanh, sau đó TOT tô màu đỏ, rồi đến HOC tô màu tím, ...). Hỏi chữ cái thứ 2024 được tô màu gì?

Trả lời:

ĐỀ SỐ 6

SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Năm học: 2024 – 2025

Môn: Toán lớp 4

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng hoặc thực hiện theo yêu cầu

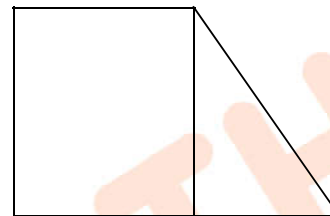
Câu 1. Trong số 5 555 551, chữ số 5 ở hàng nào có giá trị gấp 50 000 lần giá trị của chữ số 1?

- A. Hàng nghìn. B. Hàng chục nghìn. C. Hàng trăm nghìn. D. Hàng trăm.

Câu 2. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

Hình bên có:

- góc nhọn - góc vuông
- góc tù - góc bẹt



Câu 3. Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp:

Ngày 20 tháng 9 năm 2023, MathExpress tổ chức sinh nhật 11 tuổi. Vậy MathExpress thành lập năm, thuộc thế kỉ

Câu 4. Số nào dưới đây làm tròn đến hàng trăm nghìn được số 28 300 000?

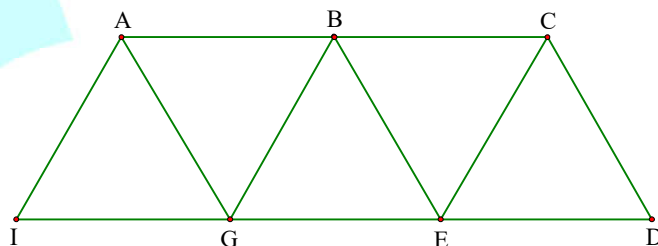
- A. 28 351 132. B. 28 250 132. C. 28 381 000. D. 28 225 462.

Câu 5. 10 tạ 6kg > kg. Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:

- A. 1060. B. 106.
C. 1006. D. 10 006.

Câu 6. Trong hình vẽ bên có tất cả bao nhiêu hình thoi?

- A. 4 hình.
B. 5 hình.
C. 2 hình.
D. 3 hình.



Câu 7. Giá trị của biểu thức $p - q$ với p là số chẵn bé nhất có năm chữ số và q là số lẻ lớn nhất có bốn chữ số khác nhau là

- A. 125. B. 3. C. 1. D. 127.

Câu 8. Có tất cả bao nhiêu số có tận cùng là chữ số 2 trong các số tự nhiên từ 1 đến 100?

- A. 11 số. B. 9 số. C. 10 số. D. 12 số.

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)**Bài 1.** Đặt tính rồi tính:

a) $709\ 809 + 912\ 648$;

b) $858\ 481 - 363\ 876$.

Bài 2. Tính bằng cách thuận tiện:

a) $225 + 40\ 350 + 775 + 59\ 650$;

b) $400\ 400 - (800\ 000 - 399\ 600)$.

Bài 3. Đầu năm 2023, một trường tiểu học đã mở rộng sân bóng đá dạng hình chữ nhật đạt tiêu chuẩn kích thước sân bóng đá mini của FIFA với chu vi 156m. Biết chiều dài hơn chiều rộng 20m. Tính diện tích mặt sân bóng đá của trường tiểu học đó.

Bài 4. Hình H bên được ghép bởi 1 hình bình hành và 1 hình thoi.

a) Tìm các cạnh song song với cạnh AH.

b) Tìm chu vi của hình H.

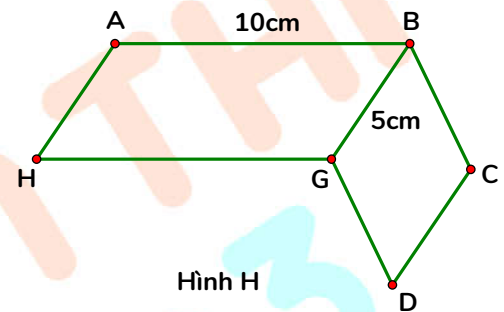
Trả lời:

a) Các cạnh song song với cạnh AH là:

.....

b) Chu vi của hình H là:

.....



ĐỀ SỐ 7

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

Năm học: 2024 – 2025

Môn: Toán lớp 4

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

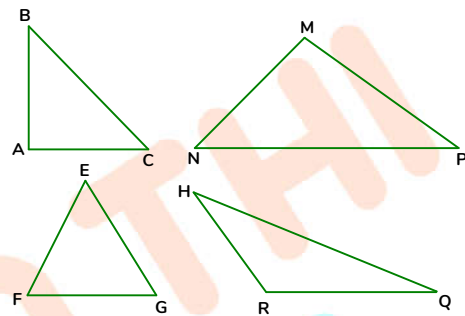
Hãy chọn phương án đúng hoặc thực hiện theo yêu cầu

Câu 1. Giá trị của chữ số 2 trong số 124 384 679 là

- A. 2.
- B. 200 000 000.
- C. 2 000 000.
- D. 20 000 000.

Câu 2. Quan sát các hình tam giác ở bên và cho biết hình tam giác nào chứa cả 3 góc nhọn?

- A. Hình tam giác ABC.
- B. Hình tam giác MNP.
- C. Hình tam giác EFG.
- D. Hình tam giác RHQ.



Câu 3. Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp:

Năm 981, Lê Đại Hành chiến thắng quân Tống. Vậy năm đó thuộc thế kỉ:

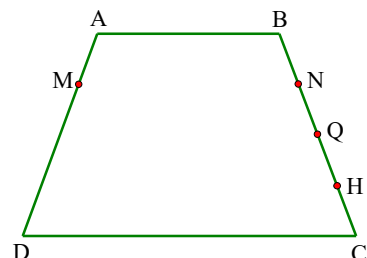
Câu 4. Dưới đây là thống kê dân số một số nước khu vực Đông Nam Á (ngày 7/5/2023 theo số liệu mới nhất từ Liên Hợp Quốc). Hỏi tính đến ngày 7/5/2023, nước nào có dân số đông nhất?

Tên nước	Số dân
Cam-pu-chia	17 353 214 người
Việt Nam	99 587 038 người
Lào	7 565 722 người
Thái Lan	70 167 188 người

- A. Cam-pu-chia.
- B. Việt Nam.
- C. Lào.
- D. Thái Lan.

Câu 5. Cho hình bên, đổ em, cần nối M với điểm nào để được 1 đoạn thẳng song song với đoạn thẳng DC?

- A. Điểm B.
- B. Điểm N.
- C. Điểm Q.
- D. Điểm H.



Câu 6. Số thích hợp điền vào chỗ chấm để $7m^2 4dm^2 = \dots\dots\dots dm^2$ là:

- A. 74.
- B. 11.
- C. 704.
- D. 7004.

Câu 7. Giá trị của biểu thức $a + b : c - 500$ với $a = 2535$; $b = 3500$ và $c = 5$ là:

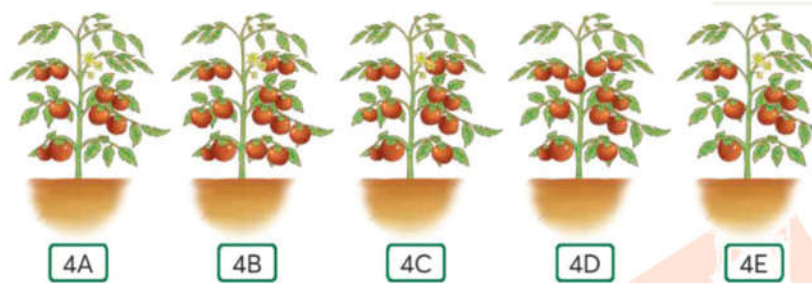
- A. 2675. B. 2735. C. 2835. D. 2935.

Câu 8. Cho dãy số: 1; 3; 5; 7; 9; 11 ... Trong các số 2003; 58; 2023; 2024, có tất cả bao nhiêu số thuộc dãy số đã cho?

- A. 1 số. B. 2 số. C. 3 số. D. 4 số.

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. Dưới đây là hình ảnh cây cà chua của mỗi lớp trồng ở vườn trường:



a) Đếm số quả cà chua ở mỗi cây để hoàn thành bảng:

Lớp	4A	4B	4C	4D	4E
Số quả	9

b) Viết dãy số liệu: 9 ; ; ; ;

c) Dãy số liệu được sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn là: ;;;;

Bài 2.

a) Tìm x , biết:

$$12\ 190 - x = 5 \times 9 \times 2$$

b) Tính bằng cách thuận tiện:

$$2253 \times 7 + 7 \times 650 + 97 \times 7$$

Bài 3. Một đội đắp đường, ngày thứ nhất đắp được 150m, ngày thứ hai đắp được 100m, ngày thứ ba đắp được gấp hai lần ngày thứ hai. Hỏi trung bình mỗi ngày đội đó đắp được bao nhiêu mét đường?

Bài 4. Trên bảng điện tử chạy liên tiếp dòng chữ:

“MATHEXPRESS11 MATHEXPRESS11 MATHEXPRESS11...”.

Hỏi kí tự thứ 2023 là chữ hay số nào?

Trả lời:

ĐỀ SỐ 8

SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Năm học: 2024 – 2025

Môn: Toán lớp 4

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng hoặc thực hiện theo yêu cầu

Câu 1. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

Số gồm “hai mươi triệu, tám trăm nghìn và mười hai đơn vị” được viết là:

Câu 2. Khi đồng hồ chỉ 9 giờ thì kim giờ và kim phút tạo với nhau thành một góc bằng bao nhiêu độ?

- A. 60°.
- B. 90°.
- C. 120°.
- D. 180°.



Câu 3.

Bạn Xoài quay mũi tên và quan sát xem khi dừng lại thì nó chỉ vào ô số mấy. Hỏi khi Xoài quay mũi tên 1 lần thì có bao nhiêu kết quả có thể xảy ra?

- A. 1.
- B. 4.
- C. 5.
- D. 6.



Câu 4. Số liệu điều tra dân số của một số nước vào 23/3/2023:



Dân số Việt Nam là 99 494 656 người.



Dân số Liên Bang Nga là 145 677 146 người.



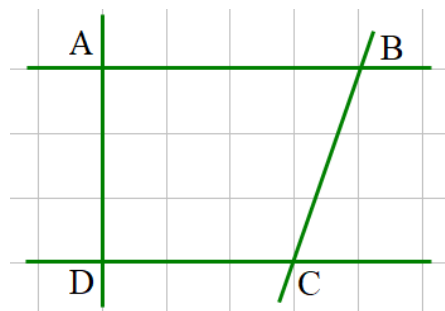
Dân số Hàn Quốc là 51 340 124 người.

Tên các nước có số dân theo thứ tự tăng dần là:

- A. Việt Nam, Liên Bang Nga, Hàn Quốc.
- B. Liên Bang Nga, Việt Nam, Hàn Quốc.
- C. Liên Bang Nga, Hàn Quốc, Việt Nam.
- D. Hàn Quốc, Việt Nam, Liên Bang Nga.

Câu 5. Quan sát hình vẽ bên và cho biết câu nào dưới đây là sai?

- A. Cạnh AB vuông góc với cạnh AD.
- B. Cạnh AB song song với cạnh DC.
- C. Hai cạnh AB và DC cùng vuông góc với cạnh AD.
- D. Cạnh AD song song với cạnh BC.



Câu 6. Số thích hợp điền vào chỗ chấm để $\frac{1}{5}$ phút = giây là:

- A. 15. B. 20. C. 12. D. 14.

Câu 7. Giá trị của biểu thức $n + m : 5$ với $m = 500 ; n = 15\ 000$ là:

- A. 3100. B. 15 100. C. 16 000. D. 4000.

Câu 8. Cho dãy số: 2; 4 ; 6 ; 8 ;.....; 200. Hỏi phải dùng tất cả bao nhiêu chữ số để viết được đủ các số hạng của dãy số đó.

- A. 248 chữ số. B. 200 chữ số. C. 247 chữ số. D. 249 chữ số.

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) $5\text{dm}^2 = \dots\dots\dots\text{cm}^2$

b) 5 yến =kg

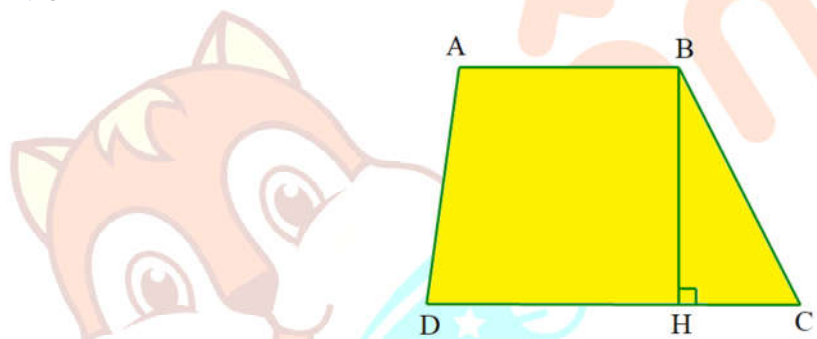
$300\text{cm}^2 = \dots\dots\dots\text{dm}^2$

600kg = tạ

$6\text{dm}^2\ 30\text{cm}^2 = \dots\dots\dots\text{cm}^2$

2 tấn 50kg =kg

Bài 2. Cho hình sau:



Hãy liệt kê tất cả các góc nhọn, góc vuông, góc tù có trong hình trên.

Bài 3. Một gia đình có 7 người, trung bình mỗi người sử dụng 120 lít nước/1 ngày. Gia đình đó đã áp dụng một số biện pháp tiết kiệm nên trung bình mỗi người sử dụng 105 lít nước/1 ngày. Hỏi trong 5 ngày, gia đình đó đã tiết kiệm được bao nhiêu lít nước?

Bài 4. Có tất cả bao nhiêu số chẵn có hai chữ số mà tổng các chữ số của nó bằng 12?

Trả lời:

ĐỀ SỐ 9

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

Năm học: 2024 – 2025

Môn: Toán lớp 4

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng hoặc thực hiện theo yêu cầu

Câu 1. Viết số thích hợp vào chỗ trống:

$$5\ 382\ 456 = 5\ 000\ 000 + 382\ 000 + \boxed{} + 56.$$

Câu 2. Giáo sư Ngô Bảo Châu đã được trao tặng Huy chương Fields, phần thưởng danh dự nhất thế giới trong lĩnh vực toán học vào năm 2010. Hỏi năm đó thuộc thế kỉ nào?

- A. XVIII. B. XIX. C. XX. D. XXI.

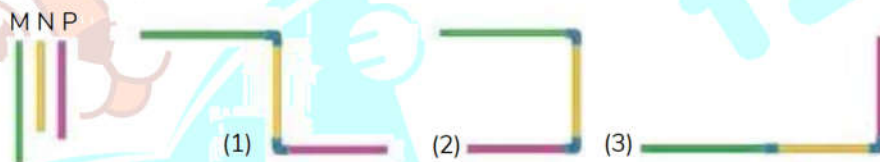
Câu 3. Số nào lớn nhất trong các số dưới đây?

- A. 987 654. B. 456 789. C. 12 345 678. D. 3 456 789.

Câu 4. Trong hộp có ba thẻ ghi các số: 492 735; 3 600 152; 62 830. Không nhìn vào hộp, lấy ra một thẻ. Sự kiện “Lấy được thẻ ghi số lẻ” là “có thể”, “chắc chắn” hay “không thể” xảy ra?

- A. Có thể. B. Chắc chắn. C. Không thể.

Câu 5. Có ba ống nước M, N, P. Tỳ cần nối ba ống nước này với nhau: ống M vuông góc với ống N, ống N vuông góc với ống P. Bạn Cuội đưa ra một số phương án sau cho Tỳ:



Hỏi trong các phương án Cuội đưa ra, có những phương án nối nào phù hợp?

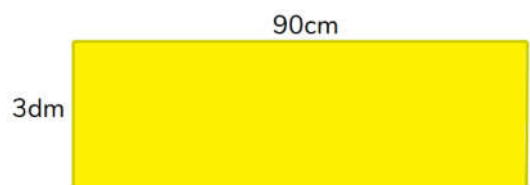
- A. (1) và (2). B. Chỉ (1). C. Chỉ (2). D. (1), (2) và (3).

Câu 6. Câu nào dưới đây là sai?

- A. Góc 60° là góc nhọn. B. Góc 90° là góc vuông.
C. Góc nhọn bé hơn góc vuông. D. Góc bẹt bé hơn góc tù.

Câu 7. Một mặt bàn dạng hình chữ nhật có kích thước như hình bên. Diện tích của mặt bàn đó là:

- A. 270cm². B. 270dm².
C. 27cm². D. 27dm².



Câu 8. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

Mít có 18 bông hoa, Na có 16 bông hoa, Xoài có số hoa bằng trung bình cộng số hoa của cả 3 bạn (là Mít, Na và chính Xoài). Vậy Xoài có số bông hoa là: bông.

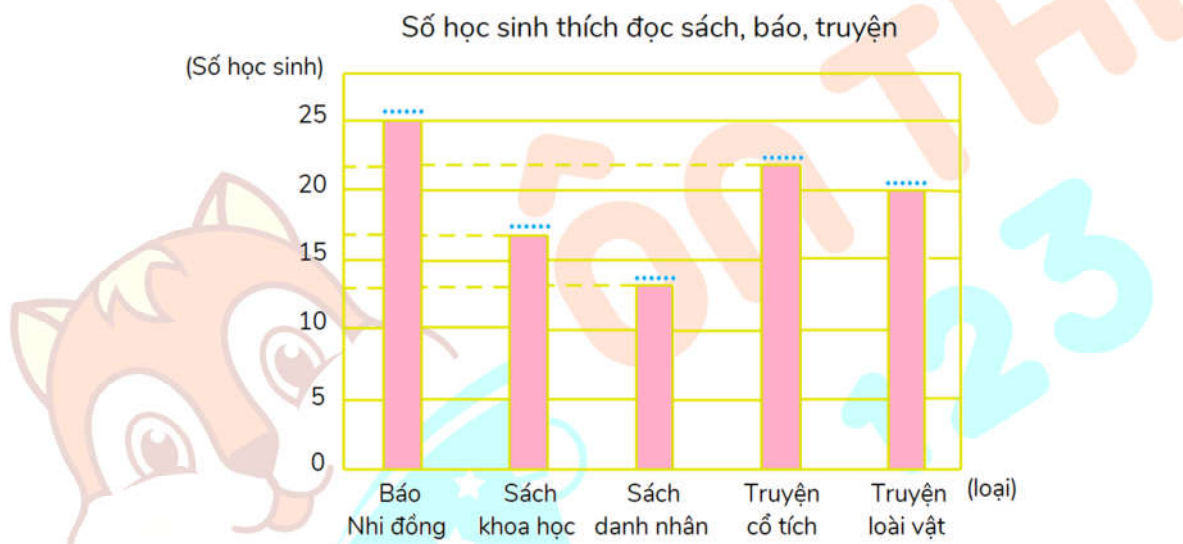
II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. a) Hoàn thành bảng thống kê sau:

Các loại sách, báo, truyện học sinh lớp 4A thích đọc

Tên sách, báo, truyện	Kiểm đếm	Số bạn thích
Báo Nhi đồng		25
Sách khoa học	
Sách danh nhân	
Truyện cổ tích	
Truyện loài vật	

b) Quan sát biểu đồ cột sau:



- Hoàn thiện biểu đồ cột trên.
- Trong các loại sách, báo, truyện được tìm hiểu, học sinh lớp 4A thích đọc loại nào nhất?
.....

Bài 2. Tính giá trị của biểu thức:

a) $m - (n - 355)$ với $m = 4200; n = 1555$.

b) $p : 9 \times q$ với $p = 1800; q = 2$.

Bài 3. Có 5 xe ô tô chở thóc viện trợ cho vùng bão lụt, trong đó 3 xe đi trước, mỗi xe chở được 5000kg thóc và 2 xe đi sau, mỗi xe chở được 4200kg thóc. Hỏi trung bình mỗi xe chở được bao nhiêu ki-lô-gam thóc?

Bài 4. Mỗ viết dãy 100 số liên tiếp bắt đầu từ 1 như sau: 1 ; 2 ; 3 ; ... ; 100. Sau đó mỗi lần bạn xoá đi 2 số và thay vào đó tổng của 2 số ấy. Cuối cùng chỉ còn lại 1 số. Hỏi số đó là số nào?

Trả lời:

B. HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT



ĐỀ SỐ 1

SÁCH CÁNH DIỀU

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Năm học: 2024 – 2025

Môn: Toán lớp 4

Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	D	B	A	C	5008	D	D	B

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (2 điểm) Đặt tính rồi tính:

a) $321\ 456 + 554\ 639$;

b) $864\ 370 - 98\ 469$.

c) 350×15 ;

d) $1260 : 12$.

Lời giải

a) $321\ 456 + 554\ 639 = 876\ 095$.

b) $864\ 370 - 98\ 469 = 765\ 901$.

c) $350 \times 15 = 5250$.

d) $1260 : 12 = 105$.

(HS tự đặt tính và tính)

Bài 2. (1,5 điểm) Tính bằng cách thuận tiện:

a) $129 \times 505 + 129 \times 500 - 129 \times 5$;

b) $35800 : 100 + 358 \times 999$.

Lời giải

$$\begin{aligned} \text{a) } 129 \times 505 + 129 \times 500 - 129 \times 5 &= 129 \times (505 + 500 - 5) \\ &= 129 \times 1000 \\ &= 129\ 000. \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{b) } 35800 : 100 + 358 \times 999 &= 358 + 358 \times 999 \\ &= 358 \times (1 + 999) \\ &= 358 \times 1000 \\ &= 358\ 000. \end{aligned}$$

Bài 3. (2 điểm) Một thửa ruộng hình chữ nhật có chu vi là 108m. Biết chiều dài hơn chiều rộng là 6m. Tính diện tích thửa ruộng đó.

Lời giải

Nửa chu vi thửa ruộng hình chữ nhật là: $108 : 2 = 54$ (m).

Chiều dài thửa ruộng là: $(54 + 6) : 2 = 30$ (m).

Chiều rộng thửa ruộng là: $54 - 30 = 24$ (m).

Diện tích thửa ruộng là: $30 \times 24 = 720$ (m²).

Đáp số: 720m².

Bài 4. (0,5 điểm) Sau 3 bài kiểm tra toán đầu tiên, Bình tính điểm trung bình thì được 6 điểm. Hỏi đến bài kiểm tra tiếp theo, Bình phải đạt được điểm mấy để điểm trung bình sau 4 bài kiểm tra là 7 điểm?

Trả lời:

Lời giải

Trả lời: Bình phải đạt điểm **10**.

(Tổng điểm của 3 bài kiểm tra đầu tiên là: $6 \times 3 = 18$ (điểm).

Tổng điểm của 4 bài kiểm tra là: $7 \times 4 = 28$ (điểm).

Điểm của bài kiểm tra tiếp theo là: $28 - 18 = 10$ (điểm).)



ON THI
123

ĐỀ SỐ 2

SÁCH CÁNH DIỀU

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Năm học: 2024 – 2025

Môn: Toán lớp 4

Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Câu 1 đến câu 6: Mỗi câu đúng được 0,5 điểm. Câu 7: 1,0 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7
Đáp án	B	A	D	CD	A	D	a) S; b) Đ; c) S; d) Đ

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (2 điểm) Đặt tính rồi tính:

a) $386\ 153 + 260\ 765$;

b) $726\ 485 - 52\ 936$.

c) 308×56 ;

d) $5145 : 35$.

Lời giải

a) $386\ 153 + 260\ 765 = 646\ 918$

b) $726\ 485 - 52\ 936 = 673\ 549$

c) $308 \times 56 = 17\ 248$

d) $5145 : 35 = 147$

(HS tự đặt tính và tính)

Bài 2. (1,5 điểm) Tính bằng cách thuận tiện:

a) $25 \times 1895 \times 4$;

b) $(2024 \times 99 + 2024) - (2023 \times 101 - 2023)$.

Lời giải

a) $25 \times 1895 \times 4 = 1895 \times (25 \times 4)$
 $= 1895 \times 100$
 $= 189\ 500$.

b) $(2024 \times 99 + 2024) - (2023 \times 101 - 2023) = 2024 \times (99 + 1) - 2023 \times (101 - 1)$
 $= 2024 \times 100 - 2023 \times 100$
 $= (2024 - 2023) \times 100$
 $= 1 \times 100 = 100$.

Bài 3. (2 điểm) Một trang trại chăn nuôi có 550 con cả gà trống và gà mái. Số gà mái nhiều hơn số gà trống là 250 con. Hỏi trại chăn nuôi đó có bao nhiêu con gà mỗi loại?

Lời giải

Trại chăn nuôi có số con gà mái là: $(550 + 250) : 2 = 400$ (con).

Trại chăn nuôi có số con gà trống là: $550 - 400 = 150$ (con).

Đáp số: 400 con gà mái;

150 con gà trống.

Bài 4. (0,5 điểm) Tìm số bị chia, số chia nhỏ nhất sao cho phép chia đó có thương là 5 và số dư là 31.

Trả lời:

Lời giải

Trả lời: Số bị chia và số chia lần lượt là: **191** và **32**.

(Phép chia có số dư là 31 nên số chia nhỏ nhất là 32. Số bị chia là: $32 \times 5 + 31 = 191$.)

ĐỀ SỐ 3

SÁCH CÁNH DIỀU

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Năm học: 2024 – 2025

Môn: Toán lớp 4

Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	C	B	C	DE; GH	D	C	500	B

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (2 điểm) Đặt tính rồi tính:

a) $140\ 562 + 458\ 273$;

b) $693\ 450 - 168\ 137$.

c) 125×32 ;

d) $1988 : 14$.

Lời giải

a) $140\ 562 + 458\ 273 = 598\ 835$.

b) $693\ 450 - 168\ 137 = 525\ 313$.

c) $125 \times 32 = 4000$.

d) $1988 : 14 = 142$.

(HS tự đặt tính và tính)

Bài 2. (1,5 điểm) Tính bằng cách thuận tiện:

a) $8 \times 2024 \times 125$;

b) $298 \times 99 - 298 \times 88 - 298$.

Lời giải

$$\begin{aligned} \text{a) } 8 \times 2024 \times 125 &= 2024 \times (8 \times 125) \\ &= 2024 \times 1000 \\ &= 2\ 024\ 000. \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{b) } 298 \times 99 - 298 \times 88 - 298 &= 298 \times (99 - 88 - 1) \\ &= 298 \times 10 \\ &= 2980. \end{aligned}$$

Bài 3. (2 điểm) Một tổ sản xuất tháng thứ nhất làm được 954 sản phẩm, tháng thứ hai làm được ít hơn tháng thứ nhất 133 sản phẩm, tháng thứ ba làm được 1330 sản phẩm. Hỏi trung bình mỗi tháng tổ đó làm được bao nhiêu sản phẩm?

Lời giải

Số sản phẩm tháng thứ hai làm được là: $954 - 133 = 821$ (sản phẩm).

Trung bình mỗi tháng tổ đó làm được số sản phẩm là:

$$(954 + 821 + 1330) : 3 = 1035 \text{ (sản phẩm).}$$

Đáp số: 1035 sản phẩm.

Bài 4. (0,5 điểm) Tổng số tuổi của ba bố con bằng 55 tuổi, tuổi bố nhiều hơn tổng số tuổi của hai anh em là 25 tuổi. Tính tuổi của em, biết anh hơn em 5 tuổi.

Trả lời:

Lời giải

Trả lời: Tuổi của em là: **5** tuổi.

(Tổng số tuổi của hai anh em là: $(55 - 25) : 2 = 15$ (tuổi).

Tuổi của em là: $(15 - 5) : 2 = 5$ (tuổi).)



ON THI
123

ĐỀ SỐ 4

SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Năm học: 2024 – 2025

Môn: Toán lớp 4

Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	C	A	Con của	B	C	D	C	A

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (1,5 điểm) Đặt tính rồi tính:

a) $89\ 819 + 921\ 655;$

b) $8\ 959\ 482 - 2\ 564\ 876.$

Lời giải

a) $89\ 819 + 921\ 655 = 1\ 011\ 474.$

b) $8\ 959\ 482 - 2\ 564\ 876 = 6\ 394\ 606.$

(HS tự đặt tính và tính)

Bài 2. (2 điểm) Tính bằng cách thuận tiện:

a) $30\ 400 + 29\ 495 + 505 + 69\ 600;$

b) $(243\ 453 - 32\ 120) + (132\ 120 - 43\ 453).$

Lời giải

$$\begin{aligned} \text{a) } 30\ 400 + 29\ 495 + 505 + 69\ 600 &= (30\ 400 + 69\ 600) + (29\ 495 + 505) \\ &= 100\ 000 + 30\ 000 \\ &= 130\ 000. \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{b) } (243\ 453 - 32\ 120) + (132\ 120 - 43\ 453) &= (243\ 453 - 43\ 453) + (132\ 120 - 32\ 120) \\ &= 200\ 000 + 100\ 000 \\ &= 300\ 000. \end{aligned}$$

Bài 3. (2 điểm) Hai bạn Hằng và Hương hái cam trong vườn được tất cả 126 quả. Hương hái được ít hơn Hằng 18 quả. Hỏi mỗi bạn hái được bao nhiêu quả cam?

Lời giải

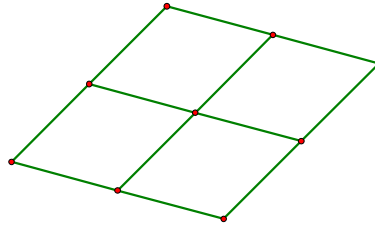
Hằng hái được số quả cam là: $(126 + 18) : 2 = 72$ (quả).

Hương hái được số quả cam là: $126 - 72 = 54$ (quả).

Đáp số: Hằng: 72 quả cam;

Hương: 54 quả cam.

Bài 4. (0,5 điểm) Hình thoi sau được ghép bởi 4 hình thoi nhỏ. Tính chu vi của hình thoi đó, biết chu vi của mỗi hình thoi nhỏ là 72cm.



Trả lời:

Lời giải

Trả lời: Chu vi của hình thoi được ghép bởi 4 hình thoi nhỏ là: 144cm.

(Cạnh của mỗi hình thoi nhỏ là: $72 : 4 = 18$ (cm).)

Mỗi cạnh của hình thoi lớn có độ dài bằng 2 lần cạnh của hình thoi nhỏ và bằng:

$$18 \times 2 = 36 \text{ (cm).}$$

Chu vi của hình thoi được ghép bởi 4 hình thoi nhỏ là: $36 \times 4 = 144$ (cm).)



ĐỀ SỐ 5

SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Năm học: 2024 – 2025

Môn: Toán lớp 4

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	6	7	8
Đáp án	A	A	D	B	D	C	C

Câu 5. Máy xay sinh tố ; lò vi sóng ; máy giặt ; ti vi ; tủ lạnh.

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (1,5 điểm) Đặt tính rồi tính:

a) $3\ 132\ 456 + 584\ 639$;

b) $35\ 686\ 370 - 5\ 394\ 869$.

Lời giải

a) $3\ 132\ 456 + 584\ 639 = 3\ 717\ 095$.

b) $35\ 686\ 370 - 5\ 394\ 869 = 30\ 291\ 501$.

(HS tự đặt tính và tính)

Bài 2. (2 điểm) Tính bằng cách thuận tiện:

a) $450 + 88\ 888 + 550 - 8888$;

b) $989\ 652 + (100\ 000 - 89\ 652)$.

Lời giải

$$\begin{aligned} \text{a) } 450 + 88\ 888 + 550 - 8888 &= (450 + 550) + (88\ 888 - 8888) \\ &= 1000 + 80\ 000 \\ &= 81\ 000. \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{b) } 989\ 652 + (100\ 000 - 89\ 652) &= (989\ 652 - 89\ 652) + 100\ 000 \\ &= 900\ 000 + 100\ 000 \\ &= 1\ 000\ 000. \end{aligned}$$

Bài 3. (2 điểm) Nhân dịp Lễ Giáng sinh, MathExpress phát động phong trào làm thiệp handmade gửi lời yêu thương tới các em nhỏ ở Bệnh viện nhi Trung ương Hà Nội. Biết học sinh khối lớp Bốn và khối lớp Năm đã làm được 450 tấm thiệp, khối lớp Năm làm được nhiều hơn khối lớp Bốn 20 tấm thiệp. Tính số thiệp học sinh mỗi khối làm được.

Lời giải

Số thiệp học sinh khối lớp Năm làm được là: $(450 + 20) : 2 = 235$ (tấm).

Số thiệp học sinh khối lớp Bốn làm được là: $235 - 20 = 215$ (tấm).

Đáp số: Khối lớp Bốn: 215 tấm thiệp;

Khối lớp Năm: 235 tấm thiệp.

Bài 4. (0,5 điểm) Người ta viết các chữ thành dãy: DAYTOTHOCOT DAYTOTHOCOT... bằng 3 màu xanh, đỏ, tím, mỗi từ một màu (tức là DAY tô màu xanh, sau đó TOT tô màu đỏ, rồi đến HOC tô màu tím ...). Hỏi chữ cái thứ 2024 được tô màu gì?

Trả lời:

Lời giải

Trả lời: Chữ cái thứ 2024 là **màu tím**.

(Mỗi nhóm có 4 từ và 12 chữ cái.

Vì $2024 : 12 = 168$ (dư 8) tức là ta viết hết 168 nhóm và thêm 8 chữ của nhóm 169.

- Chữ cái thứ 2024 nằm trong từ thứ ba của nhóm 169.

- Tính đến chữ cái thứ 2024 thì đã viết hết số từ là: $4 \times 168 + 3 = 675$ (từ).

Vì có 3 màu để tô các từ, mà $675 : 3 = 225$. Vậy chữ cái thứ 2024 được tô màu tím.)



ON THI
123

ĐỀ SỐ 6

SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Năm học: 2024 – 2025

Môn: Toán lớp 4

Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	3	4	5	6	7	8
Đáp án	B	2012; XXI	B	B	A	A	C

Câu 2. 2 góc nhọn; 5 góc vuông; 1 góc tù; 1 góc bẹt.

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (1,5 điểm) Đặt tính rồi tính:

a) $709\ 809 + 912\ 648$;

b) $858\ 481 - 363\ 876$.

Lời giải

a) $709\ 809 + 912\ 648 = 1\ 622\ 457$.

b) $858\ 481 - 363\ 876 = 494\ 605$.

(HS tự đặt tính và tính)

Bài 2. (2 điểm) Tính bằng cách thuận tiện:

a) $225 + 40\ 350 + 775 + 59\ 650$;

b) $400\ 400 - (800\ 000 - 399\ 600)$.

Lời giải

$$\begin{aligned} \text{a) } 225 + 40\ 350 + 775 + 59\ 650 &= (225 + 775) + (40\ 350 + 59\ 650) \\ &= 1\ 000 + 100\ 000 \\ &= 101\ 000. \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{b) } 400\ 400 - (800\ 000 - 399\ 600) &= 400\ 400 - 800\ 000 + 399\ 600 \\ &= (400\ 400 + 399\ 600) - 800\ 000 \\ &= 800\ 000 - 800\ 000 \\ &= 0. \end{aligned}$$

Bài 3. (2 điểm) Đầu năm 2023, một trường tiểu học đã mở rộng sân bóng đá dạng hình chữ nhật đạt tiêu chuẩn kích thước sân bóng đá mini của FIFA với chu vi 156m. Biết chiều dài hơn chiều rộng 20m. Tính diện tích mặt sân bóng đá của trường tiểu học đó.

Lời giải

Nửa chu vi của sân bóng đá là: $156 : 2 = 78$ (m).

Chiều dài của sân bóng đá là: $(78 + 20) : 2 = 49$ (m).

Chiều rộng của sân bóng đá là: $49 - 20 = 29$ (m).

Diện tích mặt sân bóng đá của trường đó là: $49 \times 29 = 1421$ (m²).

Đáp số: 1421m².

Bài 4. (0,5 điểm) Hình H bên được ghép bởi 1 hình bình hành và 1 hình thoi.

- a) Tìm các cạnh song song với cạnh AH.
b) Tìm chu vi của hình H.

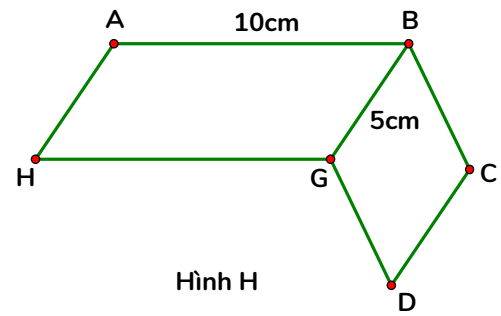
Trả lời:

- a) Các cạnh song song với cạnh AH là:

.....

- b) Chu vi của hình H là:

.....



Lời giải

Trả lời:

- a) Các cạnh song song với cạnh AH là: **BG ; CD.**

- b) Chu vi của hình H là: **40cm.**

$$(10 \times 2 + 5 \times 4 = 40 \text{ (cm)})$$



ON THI
123

ĐỀ SỐ 7

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

Năm học: 2024 – 2025

Môn: Toán lớp 4

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	D	C	X	B	B	C	B	B

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (1,5 điểm) Dưới đây là hình ảnh cây cà chua của mỗi lớp trồng ở vườn trường:



a) Đếm số quả cà chua ở mỗi cây để hoàn thành bảng:

Lớp	4A	4B	4C	4D	4E
Số quả	9

b) Viết dãy số liệu: 9 ; ; ; ;

c) Dãy số liệu được sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn là: ; ; ;

Lời giải

a) Ta đếm số quả ở mỗi cây rồi điền vào bảng:

Lớp	4A	4B	4C	4D	4E
Số quả	9	15	13	13	8

b) Viết dãy số liệu: 9 ; 15 ; 13 ; 13 ; 8.

c) Dãy số liệu được sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn là: 8 ; 9 ; 13 ; 13 ; 15.

Bài 2. (2 điểm)

a) Tìm x, biết:

$$12\ 190 - x = 5 \times 9 \times 2$$

Lời giải

a) $12\ 190 - x = 5 \times 9 \times 2$

$$12\ 190 - x = 9 \times (5 \times 2)$$

$$12\ 190 - x = 9 \times 10$$

$$12\ 190 - x = 90$$

$$x = 12\ 190 - 90$$

$$x = 12\ 100$$

b) Tính bằng cách thuận tiện:

$$2253 \times 7 + 7 \times 650 + 97 \times 7$$

b) $2253 \times 7 + 7 \times 650 + 97 \times 7$

$$= (2253 + 650 + 97) \times 7$$

$$= 3000 \times 7$$

$$= 21\ 000.$$

Bài 3. (2 điểm) Một đội đắp đường, ngày thứ nhất đắp được 150m, ngày thứ hai đắp được 100m, ngày thứ ba đắp được gấp hai lần ngày thứ hai. Hỏi trung bình mỗi ngày đội đó đắp được bao nhiêu mét đường?

Lời giải

Ngày thứ ba đắp được số mét đường là: $100 \times 2 = 200$ (m).

Trung bình mỗi ngày đắp được số mét đường là: $(150 + 100 + 200) : 3 = 150$ (m).

Đáp số: 150m đường.

Bài 4. (0,5 điểm) Trên bảng điện tử chạy liên tiếp dòng chữ:

“MATHEXPRESS11 MATHEXPRESS11 MATHEXPRESS11...”.

Hỏi kí tự thứ 2023 là chữ hay số nào?

Trả lời:

Lời giải

Trả lời: Kí tự thứ 2023 là **chữ R**.

(Ta thấy 1 nhóm kí tự “MATHEXPRESS11” gồm 13 kí tự.

Ta có: $2023 : 13 = 155$ (dư 8).

Vậy ta viết được 155 nhóm kí tự “MATHEXPRESS11” và thêm 8 kí tự.

Do đó, kí tự thứ 2023 là chữ R)

ĐỀ SỐ 8

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

Năm học: 2024 – 2025

Môn: Toán lớp 4

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	20 800 012	B	D	D	D	C	B	C

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (2 điểm) Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) $5\text{dm}^2 = \dots\dots\dots\text{cm}^2$

$300\text{cm}^2 = \dots\dots\dots\text{dm}^2$

$6\text{dm}^2\ 30\text{cm}^2 = \dots\dots\dots\text{cm}^2$

b) 5 yến = $\dots\dots\dots\text{kg}$

$600\text{kg} = \dots\dots\dots\text{tạ}$

2 tấn 50kg = $\dots\dots\dots\text{kg}$

Lời giải

Ta có:

a) $5\text{dm}^2 = 500\text{cm}^2$

$300\text{cm}^2 = 3\text{dm}^2$

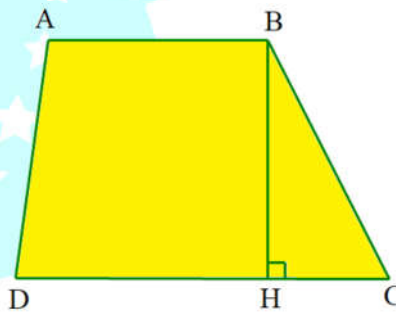
$6\text{dm}^2\ 30\text{cm}^2 = 630\text{cm}^2$

b) 5 yến = 50kg

$600\text{kg} = 6\text{tạ}$

2 tấn 50kg = 2050kg

Bài 2. (1,5 điểm) Cho hình sau:



Hãy liệt kê tất cả các góc nhọn, góc vuông, góc tù có trong hình trên.

Lời giải

+) Hình trên có tất cả 3 góc nhọn là:

- Góc đỉnh D; cạnh DA, DC

- Góc đỉnh C; cạnh CB, CD

- Góc đỉnh B; cạnh BC, BH

+) Hình trên có 3 góc vuông là:

- Góc đỉnh B; cạnh BA, BH

- Góc đỉnh H; cạnh HB, HD

- Góc đỉnh H; cạnh HB, HC

+) Hình trên có 2 góc tù là:

- Góc đỉnh A; cạnh AB, AD

- Góc đỉnh B; cạnh BA, BC

Bài 3. (2 điểm) Một gia đình có 7 người, trung bình mỗi người sử dụng 120 lít nước/1 ngày. Gia đình đó đã áp dụng một số biện pháp tiết kiệm nên trung bình mỗi người sử dụng 105 lít nước/1 ngày. Hỏi trong 5 ngày, gia đình đó đã tiết kiệm được bao nhiêu lít nước?

Lời giải

Mỗi ngày 1 người tiết kiệm được số lít nước là: $120 - 105 = 15$ (lít).

Mỗi ngày 7 người tiết kiệm được số lít nước là: $15 \times 7 = 105$ (lít).

Trong 5 ngày, gia đình đó đã tiết kiệm được số lít nước là: $105 \times 5 = 525$ (lít).

Đáp số: 525 lít nước.

Bài 4. (0,5 điểm) Có tất cả bao nhiêu số chẵn có hai chữ số mà tổng các chữ số của nó bằng 12?

Trả lời:

Lời giải

Trả lời: Có tất cả **3** số chẵn thỏa mãn yêu cầu bài toán.

(Gợi ý: Phân tích 12 thành tổng của hai chữ số. Và để số đó là số chẵn thì phải có chữ số tận cùng là 0; 2; 4; 6; 8.

Ta thấy: $12 = 9 + 3 = 8 + 4 = 7 + 5 = 6 + 6$.

Vì số cần tìm là số chẵn nên ta chỉ lấy các trường hợp có ít nhất một chữ số chẵn.

Vậy có 3 số chẵn có hai chữ số mà tổng các chữ số của chúng là 12 là: 48; 84; 66.)

ĐỀ SỐ 9

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

Năm học: 2024 – 2025

Môn: Toán lớp 4

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	400	D	C	A	A	D	D	17

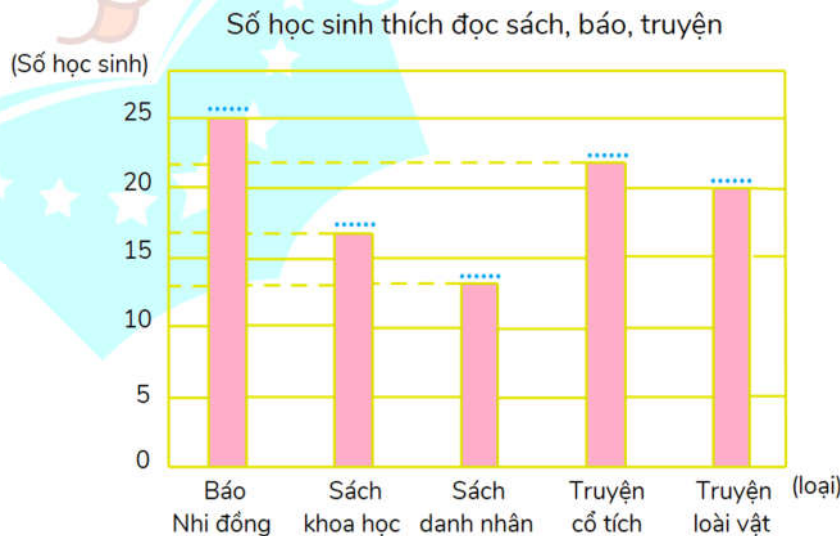
II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (2 điểm) a) Hoàn thành bảng thống kê sau:

Các loại sách, báo, truyện học sinh lớp 4A thích đọc

Tên sách, báo, truyện	Kiểm đếm	Số bạn thích
Báo Nhi đồng		25
Sách khoa học	
Sách danh nhân	
Truyện cổ tích	
Truyện loài vật	

b) Quan sát biểu đồ cột sau:



- Hoàn thiện biểu đồ cột trên.

- Trong các loại sách, báo, truyện được tìm hiểu, học sinh lớp 4A thích đọc loại nào nhất?

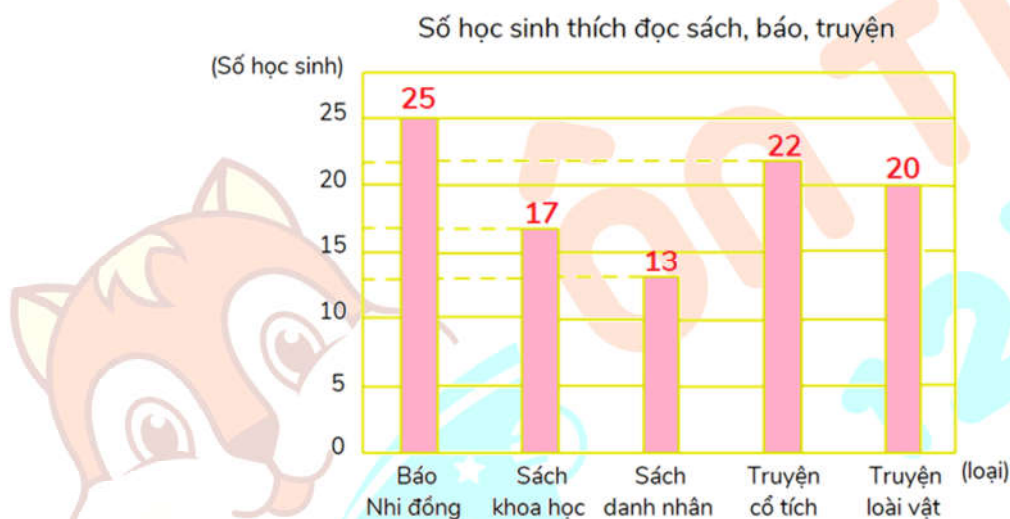
Lời giải

a)

Các loại sách, báo, truyện học sinh lớp 4A thích đọc

Tên sách, báo, truyện	Kiểm đếm	Số bạn thích
Báo Nhi đồng		25
Sách khoa học		17
Sách danh nhân		13
Truyện cổ tích		22
Truyện loài vật		20

b)



- Vì $25 > 22 > 20 > 17 > 13$ nên trong các loại sách, báo, truyện được tìm hiểu, học sinh lớp 4A thích đọc loại "**Báo Nhi đồng**" nhất.

Bài 2. (1,5 điểm) Tính giá trị của biểu thức:

a) $m - (n - 355)$ với $m = 4200$; $n = 1555$.

b) $p : 9 \times q$ với $p = 1800$; $q = 2$.

Lời giải

a) Thay $m = 4200$; $n = 1555$ vào biểu thức $m - (n - 355)$ ta được:

$$4200 - (1555 - 355) = 4200 - 1200 = 3000.$$

Vậy giá trị của biểu thức $m - (n - 355)$ với $m = 4200$; $n = 1555$ là 3000.

b) Thay $p = 1800$; $q = 2$ vào biểu thức $p : 9 \times q$ ta được:

$$1800 : 9 \times 2 = 200 \times 2 = 400.$$

Vậy giá trị của biểu thức $p : 9 \times q$ với $p = 1800$; $q = 2$ là 400.

Bài 3. (2 điểm) Có 5 xe ô tô chở thóc viện trợ cho vùng bão lụt, trong đó 3 xe đi trước, mỗi xe chở được 5000kg thóc và 2 xe đi sau, mỗi xe chở được 4200kg thóc. Hỏi trung bình mỗi xe chở được bao nhiêu ki-lô-gam thóc?

Lời giải

Số thóc viện trợ 3 xe đi trước chở được là: $5000 \times 3 = 15\,000$ (kg).

Số thóc viện trợ 2 xe đi sau chở được là: $4200 \times 2 = 8400$ (kg).

Trung bình mỗi xe chở được số ki-lô-gam thóc là: $(15\,000 + 8400) : 5 = 4680$ (kg).

Đáp số: 4680kg thóc.

Bài 4. (0,5 điểm) Mỗ viết dãy 100 số liên tiếp bắt đầu từ 1 như sau: 1 ; 2 ; 3 ; ... ; 100. Sau đó mỗi lần bạn xoá đi 2 số và thay vào đó tổng của 2 số ấy. Cuối cùng chỉ còn lại 1 số. Hỏi số đó là số nào?

Trả lời:

Lời giải

Trả lời: Số đó là: **5050**.

(Vì cứ xoá như vậy nên số cuối cùng chính bằng tổng các số từ 1 đến 100.

Số đó là: $1 + 2 + 3 + \dots + 100 = (1 + 100) \times 100 : 2 = 5050$.)

